

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐCS TRUNG QUỐC VỀ VẤN ĐỀ SỞ HỮU

GS.TS. ĐỖ TIẾN SÂM

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Từ khi thực hiện cải cách mở cửa cuối năm 1978 đến nay, công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế ở Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn, sức sản xuất xã hội, sức mạnh tổng hợp của đất nước và đời sống của nhân dân được nâng cao rõ rệt. Thành tựu trên là kết quả tất nhiên của quá trình nhận thức và không ngừng cải cách về thể chế, trong đó cải cách về chế độ sở hữu đóng vai trò then chốt. Theo các nhà khoa học Trung Quốc, có 3 đột phá lớn về lý luận sở hữu – bao gồm các lĩnh vực kết cấu, nội dung và hình thức thực hiện.

1. Về mặt kết cấu – đột phá vào kết cấu sở hữu đơn nhất truyền thống, nêu lên khuôn khổ sở hữu mới là “nhất chủ đa nguyên”.

Trước cải cách mở cửa, do chịu ảnh hưởng của mô hình CNXH truyền thống của Liên Xô cùng với những sai lầm “tả khuynh” trong nội bộ Đảng – đỉnh cao là

10 năm tiến hành cách mạng văn hóa, kết cấu sở hữu của Trung Quốc là kết cấu sở hữu công hữu XHCN đơn nhất – còn gọi là “kinh tế công hữu nhất thống thiên hạ”. Năm 1978, trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp cả nước, công nghiệp quốc doanh chiếm 83,2%, công nghiệp tập thể chiếm 16,8%. Còn trong tổng ngạch bán lẻ hàng hóa xã hội, thương nghiệp quốc doanh chiếm 92,2%, thương nghiệp tập thể chiếm 7,7%, thương nghiệp cá thể chỉ chiếm 1,1%. Một kết cấu sở hữu vượt quá trình độ phát triển của sức sản xuất ở mức độ rất lớn đã cản trở sự phát triển của sức sản xuất xã hội.

Tuy nhiên, từ sau Hội nghị Trung ương 3 khóa 11 (12-1978), với tinh thần *giải phóng tư tưởng thực sự cầu thị*, nhằm giải phóng và phát triển sức sản xuất, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã không ngừng tìm tòi và đạt được những nhận thức mới trong lý luận về sở hữu. Biểu hiện ở chỗ:

Một là, đột phá vào mô hình công hữu đơn nhất của CNXH truyền thống, nêu lên lý luận kinh tế phi công hữu là bộ phận hợp thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN (văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 năm 1997)

Hai là, đột phá vào chiếc khung của chế độ công hữu truyền thống chỉ có hai hình thức (toàn dân và tập thể), nêu lên lý luận cho rằng thành phần kinh tế quốc hữu và thành phần kinh tế tập thể trong sở hữu hỗn hợp cũng thuộc chế độ công hữu.

Ba là, đột phá vào quan điểm truyền thống giới hạn kinh tế tập thể chỉ có thể quá độ theo hướng sở hữu toàn dân, xác nhận sở hữu các loại có thể đi theo con đường phát triển riêng của mình hoặc đan xen giữa các con đường khác nhau.

Từ những đột phá trên, ở Trung Quốc hiện nay đã hình thành nên kết cấu sở hữu “*công hữu là chủ thể, nhiều sở hữu cùng phát triển*”, được gọi vắn tắt là “*nhất chủ đa nguyên*”. Một kết cấu sở hữu như vậy hoàn toàn phù hợp với yêu cầu phát triển của sức sản xuất, khắc phục tình trạng trước đây lấy ý chí chủ quan của con người thay thế cho quy luật khách quan; đáp ứng yêu cầu hội nhập tham gia vào toàn cầu hóa kinh tế; đồng thời cũng là đòi hỏi đa nguyên hóa chủ thể thị trường trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN, chỉ có đa nguyên hóa chủ thể thị trường trong quá trình đa nguyên hóa mới có cạnh tranh, mới có phát triển, mới có kinh tế thị trường XHCN.

2. Về mặt nội dung

Trên cơ sở xác định rõ tính chất, địa vị và vai trò của kinh tế phi công hữu, đột

phá vào thuộc tính giai cấp của “họ Tư” (tức TBCN), nêu lên lý luận về “họ Xã” (tức XHCN), chuyển biến từ “lý luận bổ sung” thành “lý luận cùng phát triển”.

Trước cải cách mở cửa, kinh tế tư nhân bị coi là “cái đuôi” của CNTB, là mảnh đất mới nuôi dưỡng sự phục hồi của CNTB, vì vậy phải “cắt bỏ”, còn chủ của nó bị quy là “phần tử bóc lột”, trở thành đối tượng của cuộc đấu tranh giai cấp.

Sau cải cách mở cửa, nhận thức mới về lý luận sở hữu dần dần khẳng định tính hợp lý trong việc tồn tại kinh tế phi công hữu và có những đột phá trong nhận thức về tính chất, địa vị và vai trò của nó. Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình. Trong một thời gian dài từ tháng 9 năm 1979 khi lần đầu tiên công khai thừa nhận kinh tế phi công hữu đến tháng 9 năm 1995, Hội nghị Trung ương 5 khóa 14 Đảng Cộng sản Trung Quốc (16 năm), nhận thức đối với khu vực kinh tế này tuy đã có những thay đổi, nhưng vẫn chỉ đứng lại ở những cụm từ, đi từ “phụ thuộc, bổ sung” đến bổ sung “tất yếu, có hiệu quả, có ích” của kinh tế XHCN.

Đại hội 15 Đảng Cộng sản Trung Quốc (10-1997) chính thức đặt vấn đề “*kinh tế phi công hữu là bộ phận hợp thành quan trọng của kinh tế thị trường XHCN*”. Như vậy, về tính chất, kinh tế phi công hữu không còn bị quy thuộc là “họ Tư” (TBCN) mà là “họ Xã” (XHCN). Còn về mặt địa vị và vai trò, kinh tế phi công hữu chính thức được khẳng định là “*bộ phận hợp thành quan trọng*”, thay thế cho quan niệm “bổ sung” trước đây. Đại hội 15 cũng chỉ rõ: “*Công hữu là chủ thể, nhiều sở hữu cùng phát triển là chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn đầu của CNXH*”.

Sau 10 năm, Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc (10-2007) một lần nữa khẳng định “kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản công hữu là chủ thể, kinh tế nhiều sở hữu cùng phát triển”. Đối với kinh tế phi công hữu, văn kiện tiếp tục nhấn mạnh: Kiên trì không dao động “*khuyến khích, hỗ trợ hướng dẫn* kinh tế phi công hữu phát triển”. Cách biểu đạt này thể hiện nhận thức mới nữa về thái độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc với kinh tế phi công hữu. Bởi lẽ, văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khóa 14 (tháng 9-1995), khi thừa nhận kinh tế phi công hữu là sự “bổ sung cần thiết” đã nêu lên phương châm 12 chữ bao gồm: “Hướng dẫn đúng đắn, tăng cường giám sát, quản lý theo luật”. Còn thái độ hiện nay như Văn kiện Đại hội XVII đã nêu ở trên là “khuyến khích, hỗ trợ” trước, sau đó mới đặt vấn đề “hướng dẫn”. Tuy nhiên chỉ sau 2 năm, khi đặt vấn đề cấu trúc nền kinh tế sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khóa XVII ĐCS Trung Quốc (10-2010) – một mặt tiếp tục “hỗ trợ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển”, nhưng mặt khác chỉ rõ “khuyến khích doanh nghiệp phi công hữu tham gia cải cách doanh nghiệp quốc hữu”.

Trong khi khẳng định tính chất, địa vị và vai trò của kinh tế phi công hữu, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng có những nhận thức mới về vai trò của kinh tế quốc hữu. Như đã nêu ở trên, đến nay Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn khẳng định “công hữu là chủ thể”. Tuy nhiên, nhận thức về kinh tế quốc hữu đã có những thay đổi và diễn đạt khác nhau. Văn kiện Đại hội 15 (10 - 1997) Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ nội hàm của kinh tế công hữu và địa vị

chủ thể của chế độ công hữu, theo đó: Kinh tế công hữu không chỉ bao gồm kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể, mà còn bao gồm thành phần quốc hữu và thành phần tập thể trong sở hữu hỗn hợp. Còn địa vị chủ thể của chế độ công hữu được biểu hiện ở chỗ: Vốn công hữu chiếm ưu thế trong tổng vốn xã hội, kinh tế quốc hữu khống chế mạch máu của nền kinh tế quốc dân, *phát huy vai trò chủ đạo* trong phát triển kinh tế. Văn kiện Đại hội 15 còn nhấn mạnh: Xí nghiệp quốc hữu là trụ cột của nền kinh tế quốc dân. Đến Đại hội 17 (10-2007), văn kiện một mặt khẳng định kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản, đặt vấn đề “không dao động củng cố và phát triển kinh tế công hữu”, nhưng mặt khác, văn kiện đã không nhắc lại – hay nói cách khác là không đề cập đến “vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu”, mà chỉ nhấn mạnh: “Tăng cường sức sống, sức khống chế, sức ảnh hưởng của kinh tế quốc hữu”.

Điều đáng chú ý là, trong Diễn văn đọc tại Lễ Kỷ niệm 30 Hội nghị Trung ương 3 khóa 11 (1978 – 2008) – cũng là 30 năm cải cách mở cửa, khi rút ra 10 bài học kinh nghiệm – Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã nhắc lại có tính dung hòa cả hai quan điểm đã được nêu lên trong các văn kiện Đại hội 15 và 17, nêu rõ: “Không dao động củng cố và phát triển kinh tế công hữu, *phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu...*, tăng cường sức sống, sức khống chế, sức ảnh hưởng của kinh tế quốc hữu”.

Đến Hội nghị Trung ương 5 khóa 17 (10-2010), ĐCS Trung Quốc chính thức đặt vấn đề: “Thúc đẩy *điều chỉnh mang tính chiến lược đối với kinh tế quốc hữu*, kiện

toàn cơ chế lưu động hợp lý, có tiến có lui của vốn quốc hữu. *Đẩy nhanh cải cách doanh nghiệp quốc hữu loại hình lớn*. Đi sâu cải cách ngành độc quyền. Hoàn thiện thể chế quản lý các loại vốn quốc hữu. Kiện toàn chế độ dự toán và hưởng lợi khi kinh doanh vốn quốc hữu”.

So với Văn kiện đại hội 17 (10-2007), nhận thức của ĐCS Trung Quốc tại Hội nghị Trung ương 5 khoá 17 (10-2010) về thành phần kinh tế quốc hữu đã có sự khác nhau. *Một là*, không đặt vấn đề “tăng cường sức sống, sức khống chế, sức ảnh hưởng”, mà nêu lên yêu cầu “điều chỉnh mang tính chiến lược”; *hai là*, nêu lên và làm rõ hơn vấn đề quản lý đối với vốn quốc hữu, bao gồm “một hoàn thiện và hai kiện toàn”. Hoàn thiện thể chế quản lý, kiện toàn cơ chế lưu động và kiện toàn chế độ dự toán, hưởng lợi khi kinh doanh vốn quốc hữu; *ba là*, đối với doanh nghiệp quốc hữu - ĐCS Trung Quốc khẳng định một mặt đẩy nhanh cải cách đối với doanh nghiệp quốc hữu loại lớn, mặt khác đặt vấn đề đi sâu cải cách ngành độc quyền.

3. Về hình thức thực hiện, đột phá vào tính đóng cửa trong hình thức thực hiện công hữu, nêu lên phương thức thực hiện mở, đa dạng hóa sở hữu

Chế độ sở hữu và hình thức thực hiện của chế độ sở hữu là hai khái niệm vừa có sự liên hệ lại vừa có sự khác biệt nhau. Chế độ sở hữu là chỉ sự quy thuộc cuối cùng của vốn, tức ai sở hữu – bao gồm quan hệ sở hữu, chiếm hữu, chi phối, sử dụng. Còn hình thức thực hiện của chế độ sở hữu, ngược lại, nhằm chỉ quan hệ kinh tế này thông qua hình thức cụ thể để thực hiện, chủ yếu là chỉ hình thức tổ chức và

phương thức kinh doanh của vốn. Một bên là nội dung, còn một bên là hình thức. Một sở hữu có thể có nhiều hình thức thực hiện, nhưng cũng có trường hợp nhiều sở hữu khác nhau nhưng có thể có cùng một hình thức thực hiện. Hình thức thực hiện chế độ sở hữu là do tình trạng và yêu cầu phát triển của sức sản xuất quyết định, ngược lại, nó cũng sẽ thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của sức sản xuất.

Tuy nhiên, Trung Quốc một thời gian dài trước đây, đã coi hình thức thực hiện của chế độ sở hữu đồng nhất với bản thân chế độ sở hữu, quy kết thành chế độ kinh tế cơ bản của xã hội. Hình thức thực hiện của sở hữu nhà nước, lấy Nhà nước làm hình thức tổ chức vốn đầu tư đơn nhất, thực hiện phương thức kinh doanh đơn nhất sở hữu nhà nước, nhà nước kinh doanh. Đối với sở hữu tập thể, hình thức thực hiện của nó về cơ bản cũng giống như hình thức thực hiện sở hữu nhà nước. Giữa hai loại sở hữu này cũng không phân biệt rõ ràng, “kín cổng cao tường”. Từ đó hình thành nên hình thức thực hiện đóng cửa đơn nhất hóa, tạo nên tình trạng chính quyền và doanh nghiệp không tách rời, doanh nghiệp ăn nổi cơm to của Nhà nước, còn công nhân ăn nổi cơm to của doanh nghiệp. Doanh nghiệp bên trong thiếu động lực, bên ngoài không có sức ép, hiệu quả kinh tế kém, sức sản xuất không phát triển. Sau một thời gian tồn tại và thử nghiệm, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực hiện chế độ cổ phần, văn kiện Đại hội 15 Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định rõ: “Hình thức thực hiện của chế độ công hữu có thể và hơn nữa cần phải đa dạng hóa. Mọi phương thức tổ chức và kinh doanh phản ánh quy luật của nền sản xuất xã hội

hóa đều có thể mạnh dạn lợi dụng, phải tích cực tìm tòi hình thức thực hiện chế độ công hữu có thể thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của sức sản xuất.” Văn kiện này còn nhấn mạnh: “Chế độ cổ phần là hình thức tổ chức vốn của doanh nghiệp hiện đại, có lợi cho việc phân tách quyền sở hữu và quyền kinh doanh, có lợi cho việc nâng cao hiệu quả vận hành của doanh nghiệp và vốn, CNTB có thể sử dụng, CNXH cũng có thể sử dụng”. Từ đây, kinh tế sở hữu hỗn hợp nhiều chế độ cổ phần đã phát triển mạnh mẽ. Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục khẳng định sẽ “đi sâu cải cách chế độ cổ phần công ty trong doanh nghiệp quốc hữu..., nhanh chóng xây dựng chế độ dự toán kinh doanh vốn quốc hữu, hoàn thiện thể chế và chế độ quản lý vốn quốc hữu”.

4. Một số nhận xét và đánh giá

Qua 30 năm tìm tòi, nhận thức lý luận về chế độ sở hữu ở Trung Quốc đã có những đột phá quan trọng. Theo chúng tôi, có thể quy nạp thành một số điểm đáng chú ý sau đây:

Một là, đã loại bỏ được “chủ nghĩa thành phần” (tiếng Trung Quốc gọi là “duy thành phần luận”) trong nhận thức về kết cấu sở hữu, nhất là trong việc kỳ thị đối với kinh tế phi công hữu. Trước đây, chỉ cần là kinh tế công hữu là nhất loạt được “bật đèn xanh” hỗ trợ bằng mọi cách; còn đối với kinh tế phi công hữu là “bật đèn đỏ”, hơn nữa còn hạn chế. Một sự đối xử không công bằng như vậy, vừa không phát huy được tác dụng tích cực của kinh tế phi công hữu, ngược lại cũng làm ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế công hữu. Do một thời gian dài ăn chung nồi cơm lớn của Nhà nước, được Nhà nước “ưu ái” bảo hộ,

làm cho nhiều doanh nghiệp công hữu chiếm địa vị độc quyền do không có động lực bên trong và thiếu sức ép bên ngoài nên sinh ra trì trệ, thối nát. Sau cải cách mở cửa, trên cơ sở thừa nhận sự tồn tại hợp lý, khẳng định địa vị và vai trò của kinh tế phi công hữu, kinh tế phi công hữu đã được bình đẳng như với kinh tế công hữu, từ đó hình thành nên “cục diện mới thúc đẩy lẫn nhau, cạnh tranh bình đẳng của kinh tế thuộc các loại hình sở hữu khác nhau”.

Hai là, đã thay đổi trong nhận thức về thuộc tính của kinh tế phi công hữu, từ chỗ thuộc “họ Tư” (tức TBCN) sang xem nó thuộc “họ Xã” (tức XHCN). Cũng nhờ vậy, các ông chủ của kinh tế phi công hữu trong đó có kinh tế tư nhân đã được thay đổi thân phận – từ “phần tử bóc lột” và là đối tượng của cuộc đấu tranh giai cấp trước đây thành “người xây dựng” sự nghiệp Xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Khi đã trở thành “người xây dựng”, nếu các “ông chủ” này tán thành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng thì tổ chức Đảng có thể xem xét kết nạp. Thống kê cho thấy, tính đến 1 – 7-2009, tổng số đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc là 75,6 triệu, trong đó có 3,5 triệu Đảng viên là kinh tế phi công hữu, riêng 2008, kết nạp được 2,8 triệu đảng viên trong đó đảng viên phi công hữu là 126 người.

Ba là, nhận thức về kinh tế công hữu cũng có những thay đổi quan trọng, nội hàm của nó đã được mở rộng hơn không chỉ bao gồm kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể, mà còn bao gồm hai thành phần kinh tế trên trong sở hữu hỗn hợp. Đặc biệt, đặt vấn đề “tích cực thi hành các hình thức thực hiện có hiệu quả đối với chế độ công hữu”, thực hiện “đa nguyên hóa chủ

thể đầu tư”, trong đó “chế độ cổ phần là hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu”. Riêng về vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu, văn kiện Đại hội XV (1997) đã có nhận thức mới khi cho rằng: “Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu chủ yếu thể hiện ở sức khống chế. Dưới tiền đề kiên trì công hữu và chủ thể, nhà nước khống chế mạch máu của nền kinh tế quốc dân, sức khống chế và sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc hữu được tăng cường - thì tỷ trọng của kinh tế quốc hữu có thể giảm đi một chút”, cũng sẽ không ảnh hưởng đến tính chất xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Mười năm sau, văn kiện Đại hội XVII (2007) đã không nhắc lại vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu, thay bằng mệnh đề “tăng cường sức sống, sức khống chế của kinh tế quốc hữu”. Tuy nhiên, đến bài Diễn văn đọc tại Lễ kỷ niệm Hội nghị Trung ương 3 khóa XI, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã đồng thời nhắc lại cả hai quan điểm của Đại hội XV và XVII. Thực chất đây là sự dung hòa những ý kiến khác nhau về vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu, nhất là khi tỷ trọng của kinh tế quốc hữu suy giảm, doanh nghiệp quốc hữu kinh doanh thua lỗ. Thống kê cho thấy, năm 1992 kinh tế quốc hữu chiếm 48% trong nền kinh tế quốc dân, nhưng từ đó đến nay, một lượng lớn kinh tế quốc hữu đã được bán hoặc thay đổi cơ chế chuyển cho tư nhân sở hữu. Tình trạng doanh nghiệp quốc hữu kinh doanh hiệu quả thấp (có những doanh nghiệp tỷ suất lợi nhuận chỉ chiếm 1-3%) hoặc thua lỗ, chính quyền các cấp phải chu cấp, phải sử dụng thuế của dân và của doanh nghiệp tư nhân để cứu doanh nghiệp quốc hữu. Nhưng nhà nước cũng không thể nuôi nổi

phải chuyển cho ngân hàng, ngân hàng hàng năm phải phát hành trái phiếu khoảng 1500 tỷ Nhân dân tệ, trong đó hơn 70% cho doanh nghiệp quốc hữu vay, đa phần trong đó đã trở thành nợ xấu. Đây là vấn đề nan giải đang đặt ra trên bàn nghị sự của các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong thời gian tới.

Tóm lại, vấn đề cải cách chế độ sở hữu của Trung Quốc tuy đã có những nhận thức mới và đạt được thành tựu bước đầu nhưng họ cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhất là trong việc xử lý mối quan hệ giữa “củng cố và phát triển kinh tế công hữu,” với thực tiễn tỷ trọng kinh tế quốc hữu trong nền kinh tế quốc dân suy giảm, doanh nghiệp quốc hữu kinh doanh thua lỗ đã xảy ra và đang gia tăng. Đặc biệt, vấn đề lớn và bao trùm là mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng với một nền kinh tế đa sở hữu và kiến trúc thượng tầng nhất nguyên hóa. Đây chính là điều mà Đặng Tiểu Bình đã cảnh báo từ trước khi cho rằng: Nếu chỉ cải cách thể chế kinh tế mà không cải cách thể chế chính trị thì cải cách thể chế kinh tế sẽ không thông, thậm chí những thành quả của cải cách kinh tế cũng sẽ bị xóa bỏ hết. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong một thời gian ngắn gần đây – Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Ôn Gia Bảo – người đứng đầu cơ quan hành pháp, đã nhiều lần nhắc đến vấn đề cải cách thể chế chính trị. Thực tiễn cho thấy, một xã hội hiện đại phải dựa vào những trụ cột chính là kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự. Vì vậy, cải cách ở Trung Quốc trong đó có cải cách chế độ sở hữu vẫn phải tiếp tục và vẫn còn phải đi một quãng đường dài nữa.